TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2023/DS-ST
Ngày: 08-5-2023
V/v "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Ánh;

2. Ông Cao Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: số 266 - 268 N, phường V, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đ D; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Nguyễn Đức L, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch N, chi nhánh Quảng Nam. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: số 154, đường Đ, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q.

2. Bị đơn: anh Lưu Nhất D, sinh năm 1992. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn P (thôn T cũ), xã X, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2022, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Đức L trình bày: ngày 26/9/2015, ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Nam - phòng giao dịch N *(sau đây gọi là ngân hàng)* và anh Lưu Nhất D đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng *(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng)*. Căn cứ vào thu nhập của anh D, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472074-1121 có hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 341.317.074 đồng, tiền lãi 45.288.334 đồng, tiền phí 5.474.018 đồng. Anh D đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 352.224.059 đồng. Tổng số tiền anh D còn phải thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 28/9/2022 là 39.855.367, trong đó nợ gốc 27.839.623 đồng, nợ lãi: 12.015.744 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 31/10/2021 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng mức lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc 27.839.623 đồng là 150% x 2.6%/tháng = 3.9%/tháng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/5/2023 kèm theo bảng kê tính lãi, ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh D trả tổng số tiền tính đến ngày 08/5/2023 là 45.350.667 đồng, trong đó nợ gốc là 24.758.674 đồng, lãi trong hạn: 2.760.949 đồng và lãi quá hạn là 17.831.044 đồng; anh D phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 09/5/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Đồng thời, ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 3.080.949 đồng.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2023, bị đơn anh Lưu Nhất D trình bày: vào năm 2015, anh có đề nghị ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng, anh có sử dụng thẻ để thanh toán các khoản tiêu dùng. Trong sao kê ngày 31/5/2020, anh thấy còn dư nợ 22.775.586 đồng. Trong thời gian này, do dịch covid 19 nên anh có đề nghị ngân hàng giãn thời gian trả nợ, nhưng không được chấp thuận. Kinh tế khó khăn nhưng anh đã cố gắng thanh toán các khoản phí và lãi. Từ ngày 31/5/2020 đến nay, nợ gốc tăng lên 27.839.623 đồng. Anh yêu cầu ngân hàng giải thích lý do vì sao nợ gốc lại tăng

như vậy. Đồng thời, anh đề nghị được trả số tiền gốc theo hình thức trả góp hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng vì kinh tế còn khó khăn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh D trả cho ngân hàng số tiền 45.350.667 đồng, trong đó nợ gốc là 24.758.674 đồng, lãi trong hạn: 2.760.949 đồng và lãi quá hạn là 17.831.044 đồng; anh D phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 09/5/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng; về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lưu Nhất D cư trú tại thôn P (thôn T cũ), xã X, huyện S, tỉnh Q. Nguyên đơn yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đức L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: ngày 26/9/2015, anh D với ngân

hàng đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng *(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng),* hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tóm tắt sao kê ngân hàng cung cấp thấy: anh D đã nhiều lần thực hiện giao dịch với tổng số tiền 341.317.074 đồng; tính đến ngày 30/6/2021, anh D đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 352.224.059 đồng. Ngân hàng áp dụng Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân để thanh toán số tiền là 341.317.074 đồng theo thứ tự thanh toán là phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Như vậy, sau khi thanh toán theo thứ tự thì số tiền còn lại gồm tiền gốc là 24.758.674 đồng, lãi trong hạn là 2.760.949 đồng. Từ ngày 31/7/2021 đến nay, anh D không thanh toán nợ gốc, lãi cho ngân hàng như đã cam kết nên ngày 30/10/2021, ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, ngân hàng yêu cầu anh D phải trả nợ là có căn cứ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, kèm theo tóm tắt sao kê, ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh D trả cho ngân hàng tổng số tiền là nợ gốc là 24.758.674 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.760.949 đồng và lãi quá hạn là 17.831.044 đồng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh D phải trả cho ngân hàng tổng số tiền 45.350.667 đồng, trong đó nợ gốc là 24.758.674 đồng, lãi trong hạn: 2.760.949 đồng và lãi quá hạn là 17.831.044 đồng; anh D phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ. Đối với việc ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện về buộc anh D trả số tiền gốc 3.080.949 đồng là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

1. Anh Lưu Nhất D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền 45.350.667 đồng, trong đó nợ gốc là 24.758.674 đồng, lãi trong hạn: 2.760.949 đồng và lãi quá hạn là 17.831.044 đồng.

Kể từ ngày 09/5/2022, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Lưu Nhất D phải chịu là 2.267.533 *(Hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba)* đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp là 996.385 *(bằng chữ: Chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi lăm)* đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004767 ngày 13/12/2022.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Loan